

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHẠM HOÀNG PHƯƠNG

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐĂKLĂK

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã ngành: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2015

Công trình đã được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. VÕ XUÂN TIẾN

Phản biện 1: TS. NINH THỊ THU THỦY

Phản biện 2: TS. ĐỖ THỊ NGA

Luận văn được bảo vệ trước hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp
Thạc sỹ ngành Kinh tế hợp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 07
tháng 02 năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong chiến lược phát triển nền kinh tế quốc dân Việt Nam, ưu tiên nâng cấp chính sách tam nông (nông nghiệp, nông thôn, nông dân) là mối quan tâm thường xuyên trong chính sách của Chính phủ.

Trong những năm qua, Đắc Lắc luôn chú trọng đến quá trình thúc đẩy phát triển nông nghiệp, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động nông thôn, từng bước nâng cao dân trí, thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu... Tuy vậy, so với thế mạnh và nhiệm vụ đặt ra vẫn còn nhiều tồn tại, yếu kém cần khắc phục, giải quyết.

Nói chung, phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc là một vấn đề cấp thiết, nổi lên hàng đầu nhằm phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thực hiện mục tiêu không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn; tạo sự chuyển biến nhanh hơn đối với các vùng khó khăn; xây dựng nông nghiệp của tỉnh phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa; thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Để tiếp tục nâng cao vai trò và thúc đẩy phát triển nông nghiệp Đắc Lắc, trong những năm tới đòi hỏi tỉnh cần thiết phải nghiên cứu các giải pháp có tính khoa học và thực tiễn cao.

Từ những lý do trên, tôi chọn đề tài "***Phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc***" để làm luận văn thạc sĩ kinh tế là kịp thời đóng góp một phần những đòi hỏi của thực tế phát triển nông nghiệp tỉnh Đắc Lắc trong những năm tới.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến phát triển nông nghiệp.

- Phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp tỉnh Đắc Lắc thời gian qua.

- Đề xuất giải pháp để phát triển nông nghiệp tỉnh Đắc Lắc thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến phát triển nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk.

b. Phạm vi nghiên cứu

- *Nội dung*: Đề tài tập trung nghiên cứu các vấn đề liên quan đến phát triển nông nghiệp theo nghĩa hẹp gồm trồng trọt và chăn nuôi.

- *Không gian*: Các nội dung trên được tập trung nghiên cứu tại tỉnh Đắk Lắk.

- *Thời gian*: Các giải pháp được đề xuất trong luận văn có ý nghĩa trong sáu năm tới.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích thực chứng, phương pháp phân tích chuẩn tắc;

- Phương pháp điều tra, khảo sát, chuyên gia;

- Phương pháp phân tích tổng hợp, khái quát hóa;

5. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mục lục, mở đầu, danh mục tài liệu tham khảo đề tài được chia làm 3 chương như sau:

Chương 1: Một số lý luận cơ bản về phát triển nông nghiệp

Chương 2: Thực trạng phát triển nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk thời gian qua

Chương 3: Giải pháp phát triển nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk thời gian tới.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.1. KHÁI QUÁT NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.1.1. Một số khái niệm

- *Nông nghiệp* là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, theo nghĩa rộng, ngành nông nghiệp gồm ba lĩnh vực là nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi), lâm nghiệp và ngư nghiệp. Theo nghĩa hẹp, ngành nông nghiệp gồm hai lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi.

- *Phát triển nông nghiệp* là một tổng thể các biện pháp nhằm tăng sản phẩm nông nghiệp để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường trên cơ sở khai thác các nguồn lực trong nông nghiệp một cách hợp lý và từng bước nâng cao hiệu quả của sản xuất.

1.1.2. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp

- Sản xuất nông nghiệp mang tính khu vực rõ rệt.
- Đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu không thể thay thế được.
- Đối tượng của Sản xuất nông nghiệp là cây trồng và vật nuôi.
- Sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ cao.

1.1.3. Ý nghĩa của phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân

- Phát triển nông nghiệp có ý nghĩa rất lớn đó là đóng góp về thị trường

- Phát triển nông nghiệp góp phần tăng trưởng nền kinh tế ổn định

- Phát triển nông nghiệp góp phần xoá đói, giảm nghèo và bảo đảm an ninh lương thực

- Phát triển nông nghiệp góp phần phát triển nông thôn

1.2. NỘI DUNG CỦA PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

1.2.1. Gia tăng số lượng các cơ sở sản xuất nông nghiệp

- Số lượng các cơ sở SXNN là số lượng những nơi kết hợp các yếu tố nguồn lực, trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp.

- Phát triển số lượng các cơ sở SXNN nghĩa là sự gia tăng số lượng các cơ sở SXNN trên địa bàn.

- Phải gia tăng số lượng các cơ sở SXNN vì các cơ sở SXNN tạo ra sản phẩm nông nghiệp phục vụ cho đời sống kinh tế - xã hội.

- Các cơ sở SXNN cần được xem xét là: kinh tế nông hộ, kinh tế trang trại, hợp tác xã nông nghiệp, các doanh nghiệp nông nghiệp.

- Các tiêu chí về gia tăng các cơ sở sản xuất nông nghiệp

+ Số lượng các cơ sở sản xuất qua các năm (tổng số và từng loại).

+ Tốc độ tăng và mức tăng của các cơ sở sản xuất.

1.2.2. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý

- Cơ cấu sản xuất nông nghiệp là thành phần tỷ trọng và mối quan hệ giữa các ngành và tiểu ngành trong nội bộ ngành nông nghiệp.

- Cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý là cơ cấu giữa các ngành của nông nghiệp mà các thành phần của nó có tác dụng phát huy tốt các tiềm năng của sản xuất và đáp ứng yêu cầu thị trường, xã hội.

- Các tiêu chí đánh giá chuyển dịch cơ cấu SXNN

+ Nhóm tiêu chí phản ánh kết quả sản xuất

+ Nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu quả

+ Nhóm các tiêu chí khác

1.2.3. Gia tăng các yếu tố nguồn lực

- *Các nguồn lực trong nông nghiệp gồm:* lao động, đất đai, vốn, khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật ... Quy mô về số lượng và chất lượng các nguồn lực được huy động có tính quyết định đến tốc độ tăng trưởng và phát triển nông nghiệp.

- *Gia tăng các yếu tố nguồn lực gồm:* Lao động nông nghiệp; Đất đai được sử dụng trong nông nghiệp; Vốn trong nông nghiệp; Cơ sở vật

chất – kỹ thuật nông nghiệp; Công nghệ sản xuất trong nông nghiệp.

- *Tiêu chí đánh giá gia tăng các yếu tố nguồn lực:*

- + Diện tích đất và tình hình sử dụng đất.
- + Năng suất ruộng đất qua các năm.
- + Lao động và chất lượng lao động qua các năm.
- + Tổng số vốn đầu tư và mức đầu tư trên diện tích.
- + Số lượng và giá trị cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp.
- + Mức tăng và tốc độ tăng của cơ sở vật chất trong nông nghiệp.
- + Giống mới và tỷ lệ diện tích giống mới trong tổng số.

1.2.4. Các hình thức liên kết kinh tế tiến bộ

- Liên kết kinh tế trong nông nghiệp là sự hợp tác của các đối tác trên chuỗi ngành hàng nông sản để đưa nông sản từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ nhằm tìm kiếm những cơ hội đem lại lợi nhuận từ sự liên kết này. Liên kết trong nông nghiệp gồm liên kết ngang và liên kết dọc.

- *Tiêu chí đánh giá liên kết kinh tế tiến bộ:*

+ Liên kết đảm bảo tôn trọng tính độc lập của các hộ SXNN đối với sở hữu tư liệu sản xuất và sản phẩm sản xuất ra.

+ Liên kết phải tăng khả năng cạnh tranh của nông sản sản xuất ra như chi phí, mẫu mã, an toàn thực phẩm.

+ Liên kết phải bền vững và đảm bảo phân chia lợi ích phù hợp giữa các đối tác, đặc biệt đối với nông hộ.

+ Liên kết đảm bảo nông sản đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

1.2.5. Nông nghiệp có trình độ thâm canh cao

- Bản chất kinh tế của thâm canh trong nông nghiệp là đầu tư thêm vốn và lao động trên đơn vị diện tích nhằm thu nhiều sản phẩm trên đơn vị canh tác với chi phí thấp nhất. Thâm canh có những biểu hiện khác nhau về các hình thức đầu tư và canh tác. Nhưng bản chất thâm canh nhằm tạo ra năng suất cao và chi phí thấp.

- *Các tiêu chí để đánh giá trình độ thâm canh:*

- + Các tiêu chí khái quát
- + Các tiêu chí bộ phận
- + Các tiêu chí kết quả

1.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất nông nghiệp

- Kết quả sản xuất nông nghiệp là những gì nông nghiệp đạt được sau một chu kỳ sản xuất nhất định được thể hiện bằng số lượng sản phẩm, giá trị sản phẩm, giá trị sản xuất của nông nghiệp.

- *Tiêu chí đánh giá kết quả sản xuất của nông nghiệp:*

- + Số lượng sản phẩm các loại được sản xuất ra;
- + Giá trị sản phẩm được sản xuất ra;
- + Số lượng sản phẩm hàng hóa các loại được sản xuất ra;
- + Giá trị sản phẩm hàng hóa được sản xuất ra.

- *Tích lũy và nâng cao đời sống người lao động*

- + Phát triển nông nghiệp thể hiện ở kết quả sản xuất
- + Tích lũy doanh nghiệp nông nghiệp tăng
- + Đời sống người lao động cải thiện tốt

- Tăng quy mô sản xuất các doanh nghiệp nông nghiệp

+ Tăng quy mô sản xuất các doanh nghiệp nông nghiệp là quá trình tăng lên về vốn, cơ sở vật chất, lao động, đất đai...

+ Khi doanh nghiệp tăng quy mô sản xuất sẽ tạo ra số lượng hàng hoá và giá trị sản phẩm hàng hoá cao hơn cho nền kinh tế. Khi đó, nông nghiệp sẽ tăng quy mô cung cấp sản phẩm hàng hoá và nâng cao mức đóng góp cho ngân sách Nhà nước, giải quyết nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động nông nghiệp.

1.3. NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

- Nhân tố điều kiện tự nhiên
- Nhân tố điều kiện xã hội
- Nhân tố thuộc về điều kiện kinh tế

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

TỈNH ĐẮK LẮK THỜI GIAN QUA

2.1 ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

Đắk Lắk là tỉnh thuộc Tây Nam dãy núi Trường Sơn, trung tâm Tây Nguyên. Là một cao nguyên rộng lớn, địa hình dốc thoải, lượn sóng, khá bằng phẳng, độ cao trung bình từ 500 - 800m.

Những nhân tố về tự nhiên và kinh tế xã hội có ảnh hưởng đến việc phát triển nông nghiệp của tỉnh Đắk Lắk như sau:

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Đắk Lắk có địa hình tương đối đa dạng. Là một cao nguyên rộng lớn, địa hình dốc thoải, lượn sóng, khá bằng phẳng, độ cao trung bình từ 500 - 800m. Đặc biệt có hơn 700.000 ha đất đỏ bazan có khả năng phát triển thành những vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn như cà phê, cao su, hồ tiêu, các loại cây công nghiệp ngắn ngày có giá trị kinh tế cao.

2.1.2. Đặc điểm xã hội

Nguồn lao động dồi dào, đa sắc tộc. Nhìn chung đồng bào các dân tộc còn nghèo, có nơi còn thiếu đất canh tác, sản xuất; phương thức canh tác còn lạc hậu, hiểu biết về thị trường hạn chế, tư tưởng bao cấp còn nặng nề. Người đồng bào có truyền thống trồng trọt, thu nhặt lâm sản phụ từ rừng, chăn nuôi gia súc từ lâu đời.

2.1.3. Đặc điểm kinh tế

Từ năm 2008 – 2012 giá trị sản xuất của ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng tăng dần qua các năm, tăng từ 23.489 (tỷ đồng) đến 46.560 (tỷ đồng) và chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế (52.39 %), nó quyết định đến sự tăng trưởng kinh tế tỉnh Đắk Lắk.

Bảng 2.1. Tình hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Đắk Lắk qua các năm

(Giá cố định năm 1994)

ĐVT: tỷ đồng

Giá trị sản xuất	Năm				
	2009	2010	2011	2012	2013
	43.429	54.040	79.080	88.873	90.379
- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	23.276	28.325	44.347	46.560	48.274
- Công nghiệp và xây dựng	8.757	11.537	16.330	19.992	23.342
- Thương mại và dịch vụ	11.395	14.178	18.403	22.321	27.273

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk năm 2013

Nhìn chung, cơ cấu kinh tế của tỉnh đang chuyển dịch theo chiều hướng tích cực; cơ sở hạ tầng không ngừng được đầu tư, hoàn thiện; phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và môi trường từng bước được cải thiện, chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực. Đây chính là những nhân tố thuận lợi để thúc đẩy phát triển nông nghiệp của tỉnh.

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK LẮK

2.2.1. Số lượng cơ sở sản xuất nông nghiệp thời gian qua

Qui mô số lượng cơ sở sản xuất nông nghiệp ngày càng được quan tâm, hỗ trợ đầu tư và tăng đáng kể về số lượng, chất lượng qua các năm.

- *Kinh tế trang trại*: tỉnh Đắk Lắk có 1.731 trang trại với các loại hình như cây hàng năm, cây lâu năm, chăn nuôi, thủy sản, trang trại

tổng hợp. Các trang trại quản lý, sử dụng 10.329 ha, tạo việc làm cho 7.063 lao động, thu nhập của mỗi trang trại trên 225,4 triệu đồng.

- *Hợp tác xã*: Tỉnh Đắk Lắk có 6.321 tổ hợp tác và hợp tác xã, thu hút 124.704 thành viên tham gia, trong đó có 321 hợp tác xã, 6.000 tổ hợp tác.

- *Doanh nghiệp nông nghiệp*: Đắk Lắk đã có trên 80 doanh nghiệp nhà nước, 1.253 doanh nghiệp dân doanh với số vốn đăng ký 1.500 tỷ đồng và hơn 20 nghìn hộ kinh doanh cá thể với số đăng ký là 550 tỷ đồng; lực lượng này đóng góp một phần đáng kể trong các hoạt động thị trường xuất khẩu.

- *Kinh tế nông hộ*: Đắk Lắk có hơn 20 nghìn hộ kinh doanh cá thể với số đăng ký hoạt động là 550 tỷ đồng.

2.2.2. Chuyển dịch cơ cấu SXNN tỉnh Đắk Lắk

Trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp, trồng trọt chiếm tỷ lệ cao nhưng đang có xu hướng giảm.

Bảng 2.2. Tổng hợp tình hình chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2009 – 2013

DVT: %

Stt	Chỉ tiêu	Năm				
		2009	2010	2011	2012	2013
1	Trồng trọt	74,81	77,75	80,03	79,33	79,63
2	Chăn nuôi	21,23	18,70	18,00	18,34	18,61
3	Dịch vụ và các hoạt động khác	3,96	3,55	1,97	2,33	1,76
Tổng cộng:		100	100	100	100	100

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk qua các năm

Tuy tăng trưởng liên tục về giá trị sản xuất, nhưng nội bộ

ngành trồng trọt cơ cấu thay đổi vẫn không đáng kể, tỷ lệ tăng, giảm các loại cây đều chậm, đóng góp nhiều nhất vào giá trị sản xuất của ngành vẫn là cây công nghiệp.

Bảng 2.3. Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2009 – 2013

DVT: %

Stt	Chỉ tiêu	Năm				
		2009	2010	2011	2012	2013
1	Cây lương thực có hạt	27,7	23,1	24,6	25,6	25,4
2	Rau, đậu, hoa, cây cảnh	4,2	7,0	5,8	5,1	5,3
3	Cây công nghiệp hằng năm	5,5	6,1	5,2	5,4	5,6
4	Cây ăn quả	1,4	1,5	1,6	2,2	2,4
5	Cây công nghiệp lâu năm	61,2	62,3	62,8	61,7	61,3
Tổng cộng:		100	100	100	100	100

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk qua các năm

Đối với ngành chăn nuôi, GTSX của ngành chăn nuôi gia súc chiếm tỷ trọng lớn (chiếm 64%) và nó quyết định đến sự phát triển của ngành chăn nuôi.

Trong yêu cầu chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp của tỉnh là tăng tỷ trọng chăn nuôi và giảm tỷ trọng trồng trọt, nhưng đến nay chăn nuôi vẫn còn là ngành sản xuất phụ, chiếm tỷ trọng thấp trong giá trị gia tăng nông nghiệp. Nguyên nhân là do quy mô chăn nuôi còn nhỏ lẻ, phân tán, chăn nuôi theo hướng hàng hóa mô hình trang trại còn ít, chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường.

2.2.3. Quy mô các nguồn lực trong nông nghiệp

a. Đất đai

Diện tích đất SXNN: 537.681 (ha) tương đương với diện tích đất lâm nghiệp: 597.349 (ha); diện tích đất SXNN chiếm 45,5 % diện tích đất tự nhiên. Diện tích đất SXNN tập trung nhiều ở các huyện Ea H'leo: 67,925 (ha), huyện Cư M'Gar: 61,882 (ha), huyện Ea Kar: 50,127 (ha).

b. Lao động

- Lao động nông nghiệp có số lượng tăng lên, nguyên nhân do điều kiện tự nhiên tỉnh Đắk Lắk phù hợp với sản xuất nông nghiệp, chưa có sự chuyển dịch lao động nông nghiệp sang ngành kinh tế khác. Các ngành khu vực công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn hiện nay chưa phát triển để thu hút lao động từ nông nghiệp.

- Về chất lượng, tuy số lao động được đào tạo hàng năm có chiều hướng tăng dần nhưng phần lớn lao động nông nghiệp chưa qua đào tạo, trình độ tay nghề chưa có, là lao động phổ thông. Ở khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa người dân được trợ cấp về lương thực, thực phẩm...nên phần lớn lao động thuộc đối tượng này có tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước mà không siêng năng, cần cù lao động như những người dân ở vùng đồng bằng.

c. Vốn đầu tư

Trong tổng số vốn đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, vốn đầu tư phục vụ SXNN chiếm tỷ lệ khá lớn: 33,72% (năm 2012), đây là nguồn vốn cần thiết để chủ trương đổi mới và nâng cấp chính sách cho tam nông (nông nghiệp, nông thôn, nông dân) với mục đích phát triển kinh tế đất nước trên tiềm năng lợi thế phát triển kinh tế nông nghiệp.

2.2.4. Tình hình liên kết sản xuất trong nông nghiệp

Với chủ trương đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ khoa học, chuyên đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp, mỗi năm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có hàng trăm mô hình lớn, nhỏ được thực hiện, trong đó, chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm

2014, các huyện, thị xã, thành phố đã triển khai hơn 185 mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất.

Tuy nhiên, điều quan trọng là khi xây dựng và nhân rộng các mô hình, nhà quản lý cần có định hướng, chính sách hỗ trợ đi kèm cho nông dân trong việc tổ chức liên kết sản xuất, thông qua các tổ hợp tác hoặc liên minh sản xuất để vừa tạo đầu ra ổn định, vừa nâng cao giá trị sản phẩm nông sản.

2.2.5. Tình hình thâm canh trong nông nghiệp của tỉnh Đắk Lắk

Tình hình thâm canh trong nông nghiệp thời gian qua đã từng bước cải thiện nên đã góp phần đưa năng suất và sản lượng các loại cây trồng tăng lên. Cụ thể về năng suất cây trồng nhóm cây lương thực (năng suất lúa năm 2012 cao gấp 1,19 lần; năng suất ngô cao 1,12 lần so với năm 2009). Nhóm rau đậu năng suất cũng tăng cao. Tuy nhiên có một số loại cây năng suất tăng không đáng kể: Thuốc lá, thuốc Lào; Cây lấy sợi; Cây có hạt chứa dầu (bảng 2.18).

Bảng 2.4. Tình hình tăng năng suất một số cây trồng tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2009 – 2013 *ĐVT: tạ/ha*

Stt	Cây trồng	Năm				
		2009	2010	2011	2012	2013
1	Lúa	53,35	63,87	60,11	63,35	63,92
2	Ngô	46,45	53,60	55,38	51,81	52,17
3	Khoai lang	93,68	99,73	101,58	112,13	125,37
4	Sắn	177,47	185,01	190,70	183,81	192,38
5	Mía	532,25	604,01	624,03	594,44	602,18
6	Thuốc lá, thuốc Lào	24,78	19,71	20,43	20,27	20,60

7	Cây lấy sợi	13,41	15,34	14,62	14,30	15,41
8	Cây có hạt chứa dầu	12,69	13,89	14,37	13,76	14,26
9	Rau, đậu các loại	36,90	41,95	47,70	48,80	50,01

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk qua các năm

2.2.6. Kết quả sản xuất nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk những năm qua

a. Trồng trọt

Ngành trồng trọt đã từng bước chuyển sang sản xuất hàng hóa gắn với thị trường và là ngành chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp. Nhờ mở rộng diện tích canh tác, thay đổi cơ cấu cây trồng cũng như tăng vụ nên diện tích gieo trồng trong những năm qua cũng tăng lên đáng kể, nhất là cây hàng năm.

Giai đoạn 2000-2010, bình quân mỗi năm tăng khoảng 18.674 ha, trong đó có sự chuyển dịch của hai nhóm cây trồng. Năm 2000, cây hàng năm chiếm 44,04%, cây lâu năm chiếm 55,96%, đến năm 2010 tỷ lệ cây hàng năm tăng lên 53,6%, cây lâu năm giảm còn 46,4%. Tuy tăng trưởng liên tục về giá trị sản xuất (3,8% giai đoạn 2000-2005 và 6,8% giai đoạn 2005-2010), nhưng nội bộ ngành trồng trọt cơ cấu thay đổi vẫn không đáng kể, đóng góp nhiều nhất vào giá trị sản xuất của ngành vẫn là cây công nghiệp: năm 2000 gần 3.300 tỷ đồng, chiếm 79%, đến năm 2010 trên 14.600 tỷ đồng, chiếm 67,38%.

b. Chăn nuôi

Trong nhiều năm qua chăn nuôi gia súc, gia cầm tại tỉnh Đắk Lắk liên tục phát triển, tuy nhiên vẫn là chăn nuôi nông hộ, quy mô còn nhỏ lẻ. Việc thu hút đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi còn rất hạn chế so với các ngành nông nghiệp khác, một số dự án đầu tư vào lĩnh vực nông lâm kết hợp tuy có hợp phần về chăn nuôi nhưng không triển khai.

Theo Trung tâm Khuyến nông Đắk Lắk, toàn tỉnh hiện có 33.249 con trâu, 191.114 con bò, 658.031 con lợn trong đó có 575.574 con lợn thịt. Đàn gia cầm: (gà có 6.002.822 con, gà thịt 4.533.067 con, trong đó gà công nghiệp thịt là 1.172.688 con, gà công nghiệp đẻ lấy trứng là 583.503 con

Bảng 2.5. Kết quả về số lượng đàn gia súc, gia cầm tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2009 – 2013 ĐVT: nghìn con

Stt	Chỉ tiêu	Năm				
		2009	2010	2011	2012	2013
1	Đàn gia súc	957.23	954.73	1.007.06	1.047.61	1.245.095
<i>a</i>	<i>Trâu</i>	30.90	33.20	31.70	32.10	33.249
<i>b</i>	<i>Bò</i>	206.20	191.10	181.10	158.50	191.114
<i>c</i>	<i>Lợn</i>	682.60	658.00	705.30	701.50	658.031
<i>d</i>	<i>Ngựa</i>	0.03	0.03	0.06	0.01	0.02
<i>e</i>	<i>Dê</i>	37.50	27.40	27.90	30.50	32.27
<i>f</i>	<i>Cừu</i>	-	45.00	61.00	125.00	126.72
2	Đàn gia cầm	6.279.900	7.169.500	7.822.300	8.027.700	8.963.517

Nguồn: Trung tâm khuyến nông tỉnh Đắk Lắk qua các năm

c. Thực trạng đóng góp của nông nghiệp tỉnh với nền kinh tế

GTSX của ngành nông nghiệp liên tục tăng, năm 2012 đạt: 43.345.560 (triệu đồng), tăng 16.381.677 (triệu đồng), tăng 16% so với năm 2008. GTSX ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao và lớn nhất trong các ngành kinh tế tỉnh Đắk Lắk.

Ngành Nông nghiệp giữ vai trò quan trọng và quyết định đến sự phát triển nền kinh tế tỉnh Đắk Lắk. Nông nghiệp cung cấp lương

thực, rau, quả tại chỗ cho nông dân và người dân tỉnh Đắk Lắk, cung cấp nguyên liệu, thị trường và lao động cho ngành công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ, góp phần xây dựng nông thôn mới ngày một bền vững.

d. Thực trạng về đời sống của nông dân tỉnh Đắk Lắk

Sản xuất nông nghiệp đã giải quyết việc làm cho đa số lao động nông thôn, và nâng cao mức sống cho nhân dân. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 19,3% (năm 2008) xuống còn 17,8% (năm 2012) nhưng tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn cao. Thu nhập bình quân đầu người tăng dần, đến năm 2012 đạt: 1810,53 triệu đồng, phần nào giải quyết được nhu cầu người dân.

2.3 ĐÁNH GIÁ CHUNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

2.3.1. Thành công và hạn chế

a. Thành công

- Số lượng trang trại, HTX có chiều hướng tăng lên. Các HTX đã làm tốt công tác hỗ trợ cho xã viên trong một số khâu như thủy lợi, bảo vệ đồng, bảo vệ thực vật, củng cố giao thông nội đồng.

- Cơ cấu các ngành trong nông nghiệp đã có hướng chuyển dịch phù hợp, cơ cấu trồng trọt có xu hướng giảm, cơ cấu chăn nuôi và dịch vụ có xu hướng tăng.

- Tỉnh rất quan tâm đến việc phát huy các nguồn lực sẵn có.

- Đã hình thành được những mô hình liên kết, tạo điều kiện cho người lao động nông nghiệp có thêm việc làm, tiêu thụ sản phẩm.

- Thâm canh sản xuất đã góp phần đưa năng suất và sản lượng cây trồng tăng lên trong điều kiện diện tích đất SXNN hạn chế.

- Sản xuất nông nghiệp tăng ổn định, tạo việc làm, góp phần nâng cao thu nhập cho lao động, duy trì cuộc sống của nhân dân.

b. Hạn chế

- Cơ cấu GT SX ngành chăn nuôi có xu hướng tăng chậm.

- Diện tích đất đai bình quân của từng hộ thấp dẫn đến những

hạn chế trong việc sử dụng máy móc thiết bị, đầu tư vốn, công nghệ cải tiến sản xuất.

- Ruộng đất ở nông thôn bị chia nhỏ, manh mún không phù hợp với yêu cầu của việc sản xuất hàng hoá lớn, tập trung.

- Các cơ sở sản xuất chưa tạo được sự liên kết chặt chẽ.

- Giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao chưa được sử dụng đại trà, phổ biến kịp thời. Diện tích lúa tái sinh còn chiếm tỷ lệ cao.

- Thu nhập lao động nông nghiệp còn thấp, một số hộ dân tộc thiểu số thiếu lương thực khi giáp hạt, tỷ lệ hộ nghèo còn cao.

2.3.2. Nguyên nhân của các hạn chế

- Cơ cấu SXNN chưa hợp lý, chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp chậm, chăn nuôi chiếm tỷ trọng thấp. Trong nội bộ ngành trồng trọt, cây trồng có giá trị gia tăng cao chưa được đầu tư.

- Quy mô sử dụng các nguồn lực trong NN còn khiêm tốn.

- Trình độ thâm canh trong nông nghiệp thấp, cơ sở vật chất phục vụ nông nghiệp còn thiếu, giống vật nuôi, cây trồng bố trí chưa phù hợp.

- Liên kết trong SXNN còn rất nhiều hạn chế. Các cơ sở sản xuất chưa có liên kết kinh tế tiến bộ phù hợp.

- Công tác thu hoạch, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản chưa được quan tâm, công tác khuyến nông hạn chế.

- Công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo các cấp còn bất cập. Cán bộ nông nghiệp còn thiếu và yếu về trình độ chuyên môn.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK LẮK THỜI GIAN TỚI

3.1 CĂN CỨ ĐỀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1 Các yếu tố môi trường

a. Môi trường tự nhiên

Các yếu tố trong môi trường tự nhiên như các diễn biến bất thường của thời tiết, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước... ảnh hưởng đến kết quả sinh trưởng phát triển của cây trồng vật nuôi làm thay đổi kết quả sản xuất nông nghiệp và nông sản cung ứng ra thị trường.

b. Môi trường kinh tế

Đối với môi trường kinh tế, các quan hệ thị trường trong PTNN thực hiện tốt nhờ có môi trường kinh tế ổn định. Đối với môi trường kinh tế, phát triển nông nghiệp phải hướng đến là:

- Giảm thiểu tối đa mặt trái do cơ chế thị trường gây ra các yếu tố tiêu cực như chạy theo lợi nhuận, huy động và sử dụng nguồn lực không hợp, lợi ích cá nhân được đặt cao hơn lợi ích của cộng đồng và hủy hoại lợi ích chung, dẫn tới hủy hoại môi trường sống.

- Xoá bỏ tình trạng chất lượng kém đối với vật tư hàng hoá đầu vào cho SXNN và nông sản đầu ra ảnh hưởng tới người sản xuất, người tiêu dùng.

c. Môi trường xã hội

- Phát triển nông nghiệp đi đôi với việc tiến bộ và công bằng xã hội.

- Gắn liền việc nâng cao thu nhập với tăng cường cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo việc làm, góp phần xoá đói giảm nghèo.

- Đồng thời các tệ nạn xã hội nông thôn phải giảm xuống, tính đa dạng và bản sắc văn hoá dân tộc được gìn giữ và phát huy.

3.1.2 Đường lối, chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh

a. Về kinh tế:

+ Khai thác một cách có hiệu quả nguồn nội lực; Gắn chi tiêu tăng trưởng kinh tế với việc thực hiện công bằng xã hội

+ Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; Phát huy nhân tố con người

+ Xây dựng hệ thống đô thị phát triển từ trung tâm đến các tiểu vùng; Tăng cường công tác bảo vệ môi trường; Gắn kinh tế với an ninh – quốc phòng

- Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

+ Tăng dần tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng

+ Tăng giá trị sản xuất (giá cố định)

b. Về nông nghiệp:

- Phương hướng

+ Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa

+ Phát triển một nền nông nghiệp toàn diện

+ Trong sản xuất nông nghiệp giảm dần tỷ trọng của trồng trọt, tăng dần tỷ trọng chăn nuôi, dịch vụ

+ Phát triển mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa

+ Chú trọng lồng ghép các nguồn lực đầu tư theo hướng xã hội hóa để xây dựng nông thôn mới.

- Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

+ Tăng giá trị sản xuất ngành nông, lâm, ngư nghiệp theo từng năm

+ Tăng diện tích đất sản xuất nông nghiệp lên

+ Cải tạo, mở rộng diện tích trồng cây lâu năm

+ Đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại nông lâm nghiệp

+ Phát triển ngành chăn nuôi

+ Hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

3.1.3 Các quan điểm có tính định hướng khi xây dựng giải pháp

- Phát triển nông nghiệp gắn liền với quá trình nâng cao trình độ dân trí ở nông thôn.

- Phát triển nông nghiệp phải xuất phát từ nhu cầu của thị trường tức là phục người tiêu dùng, lấy người tiêu dùng làm căn cứ để quyết định đầu tư sản xuất.

- Phát triển nông nghiệp gắn với hiệu quả, lựa chọn đầu tư các sản phẩm chủ lực có giá trị gia tăng cao.

- Phát triển nông nghiệp phải đảm bảo mục tiêu giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3.2 GIẢI PHÁP CỤ THỂ

3.2.1 Phát triển các cơ sở sản xuất

a. Củng cố và nâng cao năng lực kinh tế hộ

Để có kinh tế hộ phát triển bền vững, cần có sự hội đủ những điều kiện sản xuất và tiêu thụ nông sản như: đất đai, lao động, vốn, khoa học - kĩ thuật công nghệ mới, vốn và thị trường. Nên cần thiết phải thực hiện các giải pháp cụ thể là:

- Ưu tiên hộ đồng bào được sử dụng giá trị quyền sử dụng đất

- Coi trọng nâng cao dân trí, khuyến khích lao động người đồng bào dân tộc đổi mới tư duy

- Nâng cao tích lũy và tiết kiệm của kinh tế hộ, phát triển các hộ theo hướng ai giỏi nghề gì làm nghề ấy

- Thực hiện phổ biến các mô hình sản xuất tiên tiến cho nông dân học tập, ứng dụng vào thực tiễn.

b. Phát triển các tổ hợp tác

Mô hình tổ hợp tác là hình thức phổ biến trong thành phần kinh tế tập thể, phù hợp với yêu cầu sản xuất, thực trạng PTNN của tỉnh Đắk Lắk.

- Mô hình tổ hợp tác là hình thức phổ biến trong thành phần kinh tế tập thể, phù hợp với yêu cầu sản xuất, thực trạng PTNN của tỉnh Đắk Lắk.

- Phát triển tổ hợp tác, phải bắt đầu từ nhu cầu của người dân và mang lại lợi ích kinh tế cho từng hộ, tổ chức tham quan cho các nông dân học tập mô hình sản xuất kinh doanh và học hỏi kinh nghiệm về kinh tế tập thể.

- Không ngừng tăng cường phát triển các tổ hợp tác và tạo điều kiện để phát triển thành các HTX.

c. Phát triển hợp tác xã

Các định hướng sau:

- Phát triển HTX nòng cốt của thành phần kinh tế tập thể
- HTX phải vận hành theo cơ chế thị trường
- Hợp tác xã và tổ hợp tác phải đóng vai trò cầu nối giữa nông dân với nhà khoa học và doanh nghiệp

d. Phát triển kinh tế trang trại

Các định hướng chính:

- Sự phát triển các trang trại để dẫn dắt và tập hợp các nông hộ nhỏ để cùng thực hiện tham gia vào thị trường cung ứng nông sản.
- Xây dựng và phát triển kinh tế trang trại trở thành hạt nhân và lực lượng nòng cốt của nông nghiệp.
- Tạo sự thống nhất nhận thức về tính chất, vai trò của kinh tế trang trại.

e. Phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp

Định hướng:

- Các doanh nghiệp nông nghiệp phát triển trên địa bàn tỉnh là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế
- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào chăn nuôi

3.2.2. Chuyển dịch cơ cấu SXNN

a. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất trồng trọt chăn nuôi

Để nông nghiệp phát triển, cần chuyển dịch cơ cấu sản xuất hợp lý để khai thác, phát huy tốt tiềm năng, lợi thế so sánh.

Trong ngành trồng trọt tăng cường mở rộng diện tích các loại cây trồng có giá trị gia tăng cao và có lợi thế như cây công nghiệp, cây ăn quả, chè, cao su,... phát triển thành các vùng chuyên canh có năng suất cao. Bên cạnh đó, cần khai hoang đất, phân đầu sản xuất lương thực đáp ứng tại chỗ cho nông dân.

Trong chăn nuôi tập trung phát triển đàn gia súc gồm đàn bò, đàn trâu, đàn heo gồm heo lai, heo rừng lai, heo cỏ; đặc biệt là phát triển đàn bò sữa. Phát triển chăn nuôi trong nông hộ có làm chuồng trại và phòng trừ dịch bệnh, khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung ở các trang trại.

b. Phát triển nông nghiệp theo vùng lãnh thổ

Do đặc điểm của nông nghiệp có tính vùng, để hạn chế những điều kiện bất lợi do điều kiện tự nhiên gây ra và phát huy những yếu tố thuận lợi về điều kiện tự nhiên, tài nguyên mang lại. Phân vùng PTNN theo không gian tiểu vùng lãnh thổ liên xã có sự tương đồng về các đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng, địa hình...cây trồng thích nghi với đất đai. Đặc biệt phát triển vùng chuyên canh có hiệu quả kinh tế cao: cà phê, cao su, ca cao...

3.2.3 Tăng cường các nguồn lực trong nông nghiệp

a. Về đất đai

- Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
- Điều tiết phân bổ nguồn lực, bảo đảm lợi ích giữa các khu vực có điều kiện phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ với các khu vực giữ nhiều đất trồng lúa.
- Chủ động thu hồi đất theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất.
- Quản lý sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhất là khu vực sẽ chuyển mục đích sử dụng đất.
- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đất đai và quy

hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

b. Về lao động trong nông nghiệp

Là một vùng giàu tiềm năng về đất đai, nước, khí hậu để phát triển sản xuất nông lâm nghiệp song tỉnh Đắk Lắk còn gặp rất nhiều khó khăn, các điều kiện đảm bảo cho sự phát triển bền vững còn thiếu. Đặc biệt là nguồn nhân lực có trình độ cao, kỹ năng tốt đáp ứng cho sự phát triển.

c. Về nguồn vốn trong nông nghiệp:

Để thực hiện nhiệm vụ và định hướng, công tác thu hút đầu tư của tỉnh Đắk Lắk trong thời gian đến cần tập trung vào các hoạt động chủ yếu như: ứng dụng công nghệ sinh học cũng như các công nghệ khác để tạo ra giá trị gia tăng cao theo hướng khai thác các tiềm năng về công nghiệp chế biến nông - lâm sản, gắn với nhu cầu thị trường và dựa trên các vùng nông nghiệp chuyên canh quy mô lớn; phát triển các lĩnh vực xã hội hóa để đào tạo nguồn nhân lực.

d. Về áp dụng các tiến bộ trong SXNN

Với diện tích tự nhiên hơn 13.125 km², số dân gần hai triệu người, bao gồm hơn 40 dân tộc anh em cùng chung sống, Đắk Lắk có nền kinh tế tăng trưởng khá cao (từ năm 2008 trở lại đây đạt 10 đến 11%/năm). Tuy nhiên, đi kèm theo đó tài nguyên, sự đa dạng sinh học bị suy giảm rõ rệt... đang đặt ra cho Đắk Lắk cần ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ kỹ thuật thúc đẩy nền nông nghiệp phát triển.

3.2.4 Lựa chọn mô hình liên kết

Các mô hình liên kết kinh tế quan trọng trong NN phù hợp theo thứ tự ưu tiên được lựa chọn, gồm 5 mô hình sau:

- Mô hình liên kết “4 nhà”: nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, Nhà nước
- Mô hình liên kết giữa doanh nghiệp, ngân hàng, các hộ nông dân
- Mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với trang trại, ngân hàng
- Mô hình liên kết giữa nông trường với hộ nông dân và tổ hợp tác

- Mô hình liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã

3.2.5. Tăng cường thâm canh trong nông nghiệp

Hiện nay, trong điều kiện diện tích đất đai SXNN ở tỉnh khó mở rộng đất đai bằng cách khai hoang, SXNN tỉnh phải phát triển theo hướng thâm canh cao, thông qua các biện pháp cơ bản như sau:

- Rà soát và hoàn thiện quy hoạch các vùng nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý.

- Sản xuất nông nghiệp chịu sự chi phối tương đối lớn của điều kiện tự nhiên và kinh tế. Ở tỉnh Đắk Lắk, mỗi vùng những điều kiện này không giống nhau, vì thế cần thiết phải rà soát và tiếp tục hoàn thiện quy hoạch các vùng kinh tế nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên và kinh tế trong từng giai đoạn.

- Trên cơ sở xác định đúng đắn phương hướng sản xuất, từng bước xây dựng cơ cấu sản xuất hợp lý.

- Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn là cơ sở vật chất của thâm canh, là bảo đảm cho thâm canh có chất lượng mới và nội dung kỹ thuật mới.

3.2.6. Gia tăng kết quả sản xuất

Để gia tăng kết quả SXNN của tỉnh, cần phải lựa chọn nông sản sản xuất đáp ứng phù hợp với các đặc điểm về tự nhiên và kinh tế - xã hội theo từng vùng từng xã và đáp ứng theo yêu cầu của thị trường. Ưu tiên, khuyến khích phát triển chăn nuôi.

- Trong chăn nuôi đầu tư các nông sản chủ lực gồm bò, trâu, heo (giống địa phương, heo rừng lai), gà ta, vịt.

- Trong trồng trọt, tỉnh Đắk Lắk xây dựng định hướng tái cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng tập trung khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh, tận dụng tốt lợi thế của tỉnh phát triển các loại cây, con phù hợp, tập trung vào các cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, hồ tiêu...

3.2.7 Các giải pháp khác

- Đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn
- Giải pháp về thị trường

Việc chủ động tìm và mở rộng thị trường, nâng cao giá trị và chất lượng nông sản tỉnh Đắk Lắk là một nội dung quan trọng trong đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp mà tỉnh Đắk Lắk đang rất ráo thực hiện.

3.2.8. Hoàn thiện một số chính sách có liên quan

- Chính sách đất đai
- Chính sách thuế
- Chính sách tín dụng
- Chính sách phát triển nguồn nhân lực
- Chính sách hỗ trợ tiêu thụ các mặt hàng nông sản

3.3 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nghiên cứu phát triển nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk là một chủ trương lớn của Đảng và tỉnh Đắk Lắk, nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho dân cư nông thôn tạo tiền đề để giải quyết hàng loạt các vấn đề chính trị - xã hội, đưa người nông dân tiếp cận được nền văn minh hiện đại. Do vậy, để nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk phát triển và hội nhập; nhà nước và các cấp, các ngành của tỉnh cần:

- Cần có chính sách hỗ trợ, ưu tiên đặc biệt về vốn, giống cây trồng vật nuôi, khoa học kỹ thuật cho người dân.
- Hỗ trợ thoả đáng nông dân khi chuyển giao đất.
- Xác định phương hướng phát triển các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế đất đai, khí hậu của tỉnh và có khả năng tiêu thụ.